TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 662/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2024
V/v Tranh chấp ly hôn,
chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Trần Thị Nga.
2- Ông Phạm Văn Tuyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Phan Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 894/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 396/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 375/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Mỹ H**, sinh năm 1988;
Địa chỉ: D ấp D xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông **Lưu Tuấn L**, sinh năm 1981; Địa chỉ liên hệ: C3/45A P, ấp D xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy uỷ quyền lập ngày 25/01/2024 tại Văn phòng C).

Bị đơn: Ông **Trần Văn L1**, sinh năm 1985;
Địa chỉ: D ấp D xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2023, Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 13/12/2023 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ H trình bày:

Bà và ông Trần Văn L1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 91, Quyển số 01/2007 ngày 10/12/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì liên tục phát sinh mâu thuẫn vì có nhiều bất đồng về quan điểm sống không thể hàn gắn được, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, không cùng nhau hỗ trợ phát triển về kinh tế lẫn tinh thần, mạnh ai nấy sống, cuộc sống chung không hòa hợp. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Văn L1 theo quy định pháp luật.

Về con chung: có hai con chung là trẻ Trần Hồng P, sinh ngày 20/08/2008 và trẻ Trần Vân A, sinh ngày 28/11/2014. Bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Trần Văn L1 cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, các trẻ P và A đang sống cùng bà và ông Trần Văn L1 tại địa chỉ D ấp D xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tài sản chung: Bà và ông L1 có tài sản chung là nhà, đất tại địa chỉ số D ấp D, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 179, tờ bản đồ số 5, diện tích 158,7m^2. Nguồn gốc phần đất trên là do bà và ông Trần Văn L1 nhận chuyển nhượng của ông Trần Thới H1 vào năm 2017 với giá 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Ông Trần Thới H1 là người đang đứng tên trên trích lục bản đồ địa chính và có làm giấy tay chuyển nhượng cho bà và ông L1 phần đất trên, tuy nhiên hiện nay bà và ông L1 không có giữ giấy tờ này kể cả bản chính và bản sao vì bà giao cho mẹ chồng là bà Bùi Thị Ngọc M giữ, nhưng nay bà hỏi lại thì bà M nói bị mất nên bà không thể cung cấp cho Toà án.

Phần đất này ông H1 cũng chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà xác định hiện bà không giữ bất kỳ giấy tờ nào có liên quan đến phần đất nêu trên.

Bà tạm tính giá trị nhà đất trên là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) và yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi cho bà và ông L1 mỗi người 1/2 giá trị nhà, đất cụ thể mỗi người được nhận là 350.000.000 đồng. Bà nhận nhà đất và đồng ý trả giá trị bằng tiền cho ông L1 ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Phần đất này hiện nay ông Trần Thới H1 đang quản lý sử dụng.

Về nợ chung: Bà và ông L1 không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và biên bản hoà giải ngày 10/11/2023, bị đơn ông Trần Văn L1 trình bày:

Ông và bà Võ Thị Mỹ H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2007, có tổ

chức đám cưới. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Đến nay ông và bà H đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay ông đồng ý ly hôn với bà H để trả tự do cho nhau vì hai bên không còn thương yêu nhau.

Về con chung: có hai con chung là trẻ Trần Hồng P, sinh ngày 20/08/2008 và trẻ Trần Vân A, sinh ngày 28/11/2014. Hiện nay, trẻ P và trẻ A đang được bà H chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông đồng ý giao trẻ P và trẻ A cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà H tự thoả thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà,

Ông Lưu Tuấn L trình bày: Bà Võ Thị Mỹ H xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn đối với ông Trần Văn L1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên toà có ý kiến như sau: Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Mỹ H. Về con chung: Giao trẻ Trần Hồng P, sinh ngày 20/08/2008 và trẻ Trần Vân A, sinh ngày 28/11/2014 cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Trần Văn L1. Về tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử do nguyên đơn xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn. Về nợ chung: Bà H và ông L1 cùng xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Võ Thị Mỹ H và ông Trần Văn L1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 10/12/2007. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà H yêu cầu ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn với ông L1. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Q, huyện B,

Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ H có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà H là phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã thực hiện các thủ tục tống đạt Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Trần Văn L1. Tại phiên tòa hôm nay, ông L1 vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông L1 là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 01/2007 đăng ký ngày 10/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện hôn nhân giữa bà H và ông L1 là hợp pháp.

Tại Công văn số 836/UBND ngày 18/12/2023 Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cho biết không rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp ly hôn giữa bà Võ Thị Mỹ H và ông Trần Văn L1.

Tại Bản tự khai và biên bản hoà giải ngày 10/11/2023, bị đơn ông Trần Văn L1 cũng xác định quá trình chung sống ông và bà H phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và cả hai đã sống ly thân.

Xét thấy, nguyên nhân bà Võ Thị Mỹ H và ông Trần Văn L1 mâu thuẫn dẫn đến ly thân là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông L1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà H và ông L1 xác định quá trình chung sống có 02 con chung là trẻ Trần Hồng P, sinh ngày 20/08/2008 và trẻ Trần Vân A, sinh ngày 28/11/2014.

Tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên...*

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi

mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

Tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở*".

Bà H xác nhận hiện nay các trẻ P và A đang được bà chăm sóc, nuôi dưỡng và có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ông L1 cũng đồng ý giao các trẻ P, A cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng. Các trẻ cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử giao các trẻ P, A cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Bà H không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Tại phiên toà, nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ H có đại diện theo uỷ quyền là ông Lưu Tuấn L xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của bà Võ Thị Mỹ H.

[3.4] Về nợ chung: Bà H và ông L1 xác định quá trình chung sống không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[4] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Mỹ H đối với ông Trần Văn L1.

Bà Võ Thị Mỹ H được ly hôn với ông Trần Văn L1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 01/2007 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/12/2007 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Trần Hồng P (sinh ngày 20/08/2008) và trẻ Trần Vân A (sinh ngày 28/11/2014) cho bà Võ Thị Mỹ H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con bà H không có yêu cầu, khi nào bà H có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

Ông Trần Văn L1 có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Võ Thị Mỹ H về việc yêu cầu chia tài sản khi ly hôn đối với nhà, đất tại địa chỉ số D ấp D, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa 179, tờ bản đồ số 5 diện tích 158,7m^2 với ông Trần Văn L1.

4. Về nợ chung: Bà H và ông L1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí:

Bà Võ Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0020612 ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;

H2 lại cho bà Võ Thị Mỹ H 8.750.000 đồng (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0033424 ngày 20/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi Nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…)

2 000011 294205

Nguyễn Thị Ngọc Châu

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 40 phút ngày 27/02/2024.

Tại Phòng nghị án Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử với thành phần gồm có:

- Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Châu.

- Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Phạm Văn Tuyền.
2- Bà Trần Thị Nga.

Đã nghị án về vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo hồ sơ thụ lý số 894/2023/TLST-HNGĐ ngày 31/10/2023, nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ Hạnh, bị đơn ông Trần Văn Lành.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Mỹ Hạnh đối với ông Trần Văn Lành.

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh được ly hôn với ông Trần Văn Lành.

Giấy chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 01/2007 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Qui Đức, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/12/2007 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Trần Hồng Phúc (sinh ngày 20/08/2008) và trẻ Trần Vân An (sinh ngày 28/11/2014) cho bà Võ Thị Mỹ Hạnh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng nuôi con bà Hạnh không có yêu cầu, khi nào bà Hạnh có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

Ông Trần Văn Lành có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Võ Thị Mỹ

Hạnh về việc yêu cầu chia tài sản khi ly hôn đối với nhà, đất tại địa chỉ số D8/9 ấp 4, xã Qui Đức, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa 179, tờ bản đồ số 5 diện tích 158,7m^2 với ông Trần Văn Lành.

4. Về nợ chung: Bà Hạnh và ông Lành xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí:

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0020612 ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;

Hoàn lại cho bà Võ Thị Mỹ Hạnh 8.750.000 đồng (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0033424 ngày 20/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Buổi nghị án kết thúc lúc 10 giờ 55 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**